

Đà Lạt ngày 20 tháng 4 năm 2010

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT
Công ty Cổ phần Khoáng sản và VLXD Lâm Đồng

Kính thưa : Quý vị Cổ Đông

Nội dung : - Báo cáo tình hình sản xuất –kinh doanh, Tình hình tài chính năm 2009 Và các hoạt động của Công ty Cổ Phần Khoáng sản & VLXD Lâm Đồng năm 2009.

- Căn cứ Luật doanh nghiệp nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam số 60/2005/QH11
- Căn cứ điều 35 -36 Điều lệ Công ty Cổ phần khoáng sản & Vật liệu xây dựng Lâm Đồng về quyền hạn và nhiệm vụ của Ban Kiểm Soát.
- Căn cứ Báo cáo Quyết toán tài chính năm 2009.

I/ Đánh giá khái quát về tình hình hoạt động SXKD năm 2009.

- Trong năm 2009. Công tác điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của HĐQT và Ban Điều hành Công ty đều nằm trong phạm vi các quy định của pháp luật hiện hành, điều lệ Công ty và giấy phép đã được đăng ký kinh doanh, cùng với nhiệm vụ đầu tư phát triển sản xuất kinh doanh, Hội Đồng Quản Trị và Ban Điều hành luôn tập trung củng cố bộ máy tổ chức nhân sự, hệ thống quản lý ngày càng hoàn thiện, Công ty, không có trường hợp vi phạm điều lệ và nghị quyết ĐHCĐ đưa ra.

Khó khăn trở ngại.

- Năm 2009, do tình hình biến động bất thường nền kinh tế giới nói chung và nền kinh tế trong nước suy giảm mạnh từ năm 2008 chuyển qua, giảm phát, sức mua chậm lại trong 6 tháng đầu năm, (Mặc dù một số dự án mới đầu tư đã đưa vào hoạt động nhưng doanh thu 6 tháng đầu năm 2009 chỉ đạt: 89,98% so với cùng kỳ năm 2008).=> Ảnh hưởng lớn đến tình hình sản xuất kinh doanh của LBM.
- Tính cạnh tranh của thị trường ngày càng quyết liệt hơn. Giá nhiên liệu và vật tư tiếp tục biến động ảnh hưởng đến giá thành sản phẩm.
- Nguồn nhân lực : Nhân sự nghiệp vụ , kỹ thuật, quản lý điều hành còn thiếu và yếu, tinh thần trách nhiệm không cao và chưa đáp ứng tốt nhu cầu phát triển sản xuất kinh doanh của Công ty.

Những thuận lợi.

- Tình hình kinh tế vĩ mô dần dần ổn định vào cuối năm 2009, thị trường chứng khoán có dấu hiệu phục hồi.LBM tận dụng tốt chương trình hỗ trợ lãi suất của chính phủ.
- Sản phẩm của LBM đã được một số nhà sản xuất chấp nhận sử dụng thay thế các sản phẩm nhập khẩu.
- Đầu tư bổ sung một số dự án đã tạo thêm sản phẩm mới được thị trường chấp nhận
- HĐQT và Ban điều hành gồm các thành viên có nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh.

**II/ Kết quả kinh doanh năm 2009 so với kế hoạch do Đại hội đồng cổ đông giao
Bảng tổng hợp toàn Công ty :**

Đơn vị : 1000 đ

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện Năm 2008		Thực hiện Năm 2009		So sánh % cùng kỳ
		Giá Trị	Tỷ trọng/DT	Giá Trị	Tỷ trọng/DT	
A	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	131.370.123		152.187.584		115,85
B	Các khoản giảm trừ doanh thu	-		(158.604)		
C	Doanh thu thuần	131.370.123		152.028.980		115,73
D	Chi Phí	(118.785.549)	90,42	(141.617.012)	93,15	119,22
1	Giá vốn hàng bán	(83.016.133)	63,19	(107.278.942)	70,56	129,23
2	Kết quả hoạt động tài chính	(4.781.451)	3,64	(3.343.362)	2,20	
3	Chi phí bán hàng	(9.618.255)	7,32	(13.581.752)	8,93	141,21
4	Chi phí quản lý doanh nghiệp	(20.067.494)	15,28	(15.476.845)	10,18	77,124
5	Kết quả thu nhập khác	(307.437)	0,23	(173.174)	0,11	
6	Phần lãi hoặc lỗ trong Cty liên doanh, liên kết	136.959	(0,10)	173.850	(0,11)	
	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	(1.131.738)	0,86	(1.983.856)	1,30	175,29
	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-		47.069	(0,03)	
	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	12.584.572	9,58	10.411.968	6,85	82,736

- Doanh thu chỉ đạt 100,1% so với kế hoạch hợp nhất, tăng 15,8% so với năm 2008 tăng 91,4 % so với năm 2007 .
- Lợi nhuận đạt 95% so với kế hoạch hợp nhất, giảm 15,7% so với năm 2008, Nguyên nhân giá vốn hàng hóa tăng 29,2% và chi phí bán hàng tăng 41,2 & so với năm 2008, nó không tương ứng với tỷ lệ tăng doanh thu 2008 là 15,8%.

Bảng chi tiết từng đơn vị trong Công ty :

ĐVT : 1.000 VND

Chỉ tiêu	KẾ HOẠCH NĂM 2009	THỰC HIỆN NĂM 2009	Tỷ lệ % thực hiện so với KH	Tăng giảm số tuyệt đối +/-
Tổng Doanh Thu	151.890.000	152.187.581	100,2 %	+297.581
1. VP Công ty	7.500.000	6.638.307	88,5%	
2. XN Xây Lắp		1.956.301		
3. XN Hiệp An	32.950.000	21.207.673	64,44%	
4. XN Hiệp Tiến	17.600.000	21.528.258	122,32%	
5. XN Thạnh Mỹ	23.400.000	21.373.974	91,34%	
6. XN Đá Cát	20.600.000	21.687.498	105,28%	
7. XN Hiệp lực	17.950.000	21.805.376	121,48%	
8. Cty con Hiệp Thành	31.890.000	35.990.194	112,86%	
Tổng lợi nhuận	12.978.258	12.507.358	95,29	-470.900
1. Văn phòng Công ty	1.500.000	2.362.863	157,52%	
2. XN Hiệp An	1.200.000	(1.687.379)	(140,61%)	
3. XN Hiệp Tiến	1.300.000	2.236.534	172,04%	
4. XN Thạnh Mỹ	2.400.000	1.596.678	66,52%	
5. XN Đá Cát	2.000.000	2.372.813	118,64%	
6. XN Hiệp lực	1.600.000	2.672.613	167,03%	
7. XN Xây lắp		(25.023)		
8. Cty con Hiệp Thành	2.978.258	2.978.258	100%	

Trong năm qua kết quả XSKD đạt 96,42% so với lợi nhuận kế hoạch cụ thể lãi 12.507.358.455 đồng tuy mức lợi nhuận chưa đạt KH ĐH cổ đông giao, xét về tổng thể kết quả SXKD năm 2009 cho thấy HĐQT & Ban Điều hành đã làm việc hết sức tích cực nhưng do tình hình kinh tế thế giới nói chung và kinh tế Việt Nam nói riêng rất khó khăn.

- Xí nghiệp Xây lắp qua 4 năm 2006 – 2007-2008-2009 Ban điều hành chưa có biện pháp khắc phục và xử lý dứt điểm Xí nghiệp xây lắp cũng như những tồn tại của XNXL .

III/ Tình hình tài chính năm 2009

Tại thời điểm 31/12/2009 tóm tắt tình hình tài chính của Công ty như sau :

Bảng Cân đối kế toán đến hết ngày 31/12/2009 như sau :

STT	NỘI DUNG	tỷ trọng	SỐ CUỐI KỲ	SỐ ĐẦU NĂM
I	Tài sản ngắn hạn		93,763,933,833	89,519,359,160
1	Tiền và các khoản tương đương tiền		26,038,744,251	20.061.870.307
2	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		18.000.000.000	
3	Các khoản phải thu ngắn hạn		25,013,084,443	40,013,048,470
4	Hàng tồn kho		22,342,584,274	24,404,041,699
5	Tài sản ngắn hạn khác		2,369,520,865	5,040,398,684
II.	Tài sản dài hạn		104,211,214,942	78,290,958,856
1	Các khoản phải thu dài hạn			
2	Tài sản cố định		97,301,375,577	74,387,052,928
	- Tài sản cố định hữu hình		89,066,290,325	51,988,472,783
	- Tài sản cố định vô hình		1,637,865,040	1,900,370,683
	- Tài sản cố định thuê tài chính			
	- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		6,597,220,212	20,498,209,462
3	Bất động sản đầu tư			
4	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		1,240,441,088	1,098,090,588
5	Tài sản dài hạn khác		5.669.398.277	2,805,815,340
III	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		197,975,148,775	167,810,318,016
IV	Nợ phải trả		68,131,797,634	93,392,274,841
1	Nợ ngắn hạn		44,184,921,378	49,305,396,213
2	Nợ dài hạn		23,946,876,256	44,086,878,628
V	Vốn chủ sở hữu		129,843,351,141	74,418,043,175
1	Vốn chủ sở hữu		121,022,719,614	66,336,660,634
	- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		85,000,000,000	41,355,600,000
	- Thặng dư vốn cổ phần		21,378,566,720	13,910,464,220
	- Cổ phiếu quỹ		-2,425,234,557	-2.425.234.557
	- Quỹ đầu tư phát triển		8,028,930,488	6,386,034,132
	- Quỹ dự phòng tài chính		1.189,493,931	827,870,245
	- Chênh lệch tỷ giá hối đoái		418.233.054	
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		7,432,729,978	6.281.926.594
	- Nguồn vốn đầu tư XDCB		-	-

2	Nguồn kinh phí và các quỹ khác	1.383,034,082	998,930,128
	- Quỹ khen thưởng phúc lợi	1.383,034,082	998,930,128
	- Nguồn kinh phí		
	- Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ		
3	Lợi ích của cổ đông thiểu số	7.437.597.445	7.082.452.413
VI	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	197,975,148,775	167,810,318,016

IV/ Một số chỉ tiêu khác

1. Tình hình lao động và quỹ tiền lương

- Lao động bình quân : 545 người
- Tổng quỹ tiền lương : 20.351.000.000 đồng
- Tiền lương bình quân /người/tháng ; 3.112.000 đồng

Một số chỉ tiêu đánh giá khái quát thực trạng tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm nay	Năm trước
Cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn			
Cơ cấu tài sản			
Tài sản ngắn hạn/Tổng số tài sản	%	47,36	53,35
Tài sản dài hạn/Tổng số tài sản	%	52,64	46,65
Cơ cấu nguồn vốn			
Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	34,40	55,65
Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	65,60	40,13
Khả năng thanh toán			
Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	Lần	1,38	1,82
Khả năng thanh toán nhanh	Lần	1,61	1,32
Tỷ suất sinh lời			
Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu			
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu thuần	%	8,22	10,44
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần	%	6,97	9,58
Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản			
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng tài sản	%	6,32	8,17
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản	%	5,36	7,50
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu	%	8,76	18,69

VI/ Công tác đầu tư năm 2009

Trong năm 2009 đã thực hiện các dự án sau:

1/ Dự án đầu tư mở rộng Nhà máy Sứ Hiệp An (Năm 2008 chuyển qua)

- Vốn đầu tư mới cho dự án: 39.973.000.000đồng (QĐ phê duyệt của HĐQT).
- Vốn đầu tư bổ sung cho dự án: 5.161.399.000.000đồng
- **Tổng vốn đầu tư (Sau bổ sung): 45.134.399.000đồng**
- + Hoàn tất công tác quyết toán vốn đầu tư dự án vào tháng 06/2009.

Dự án đầu tư Đa dạng hóa sản phẩm sau nung (Dự án đầu tư năm 2009):

- Vốn đầu tư mới cho dự án: 8.372.760.000đồng (QĐ phê duyệt của HĐQT).
- Trong đó: + Vốn cố định: 6.872.760.000đồng

- + Vốn lưu động: 1.500.000.000đồng
- Nguồn vốn đầu tư: + Vốn tự có của Công ty: 30%
- + Vốn vay tín dụng Ngân hàng: 70%

Thời gian đầu tư:

+ Khởi công xây dựng: Tháng 05/2009

+ Hoàn Thành công trình: Tháng 12/2009.

Nhận xét:

- **Giá trị tài sản đã kết chuyển tăng trong năm 2009** (Theo báo cáo quyết toán tài chính 2009): **42.880.981.902 đồng** (Toàn bộ là tài sản hữu hình).

Đối với dự án này: +Giá trị tài sản đã kết chuyển tăng trong năm 2009: 42.880.981.902đ trên bao gồm phần dở dang của dự án đầu tư năm 2008 chuyển qua và một phần vốn đầu tư của dự án đầu tư Đa dạng hóa sản phẩm sau nung.

+*Dự án đầu tư Đa dạng hóa sản phẩm sau nung:* Chưa đầu tư hết, một số hạng mục còn đang tiếp tục thực hiện trong quý I/2010. (Theo báo cáo đầu tư số 05/2010/BC-Cty). Riêng hạng mục xe nâng (theo báo cáo số 05/2010/BC-Cty) thì đã đầu tư và quyết toán tăng tài sản trong năm 2009 với giá trị:174.872.938đồng.

2/ Đối với Xi Nghiệp HiệpLuc (Dự án đầu tư mở rộng Tram trộn bê tông Hiệp Luc)

- Địa điểm xây dựng: + Phân xưởng Cam Ly- P5- TP Đà Lạt
- Tổng vốn đầu tư mới cho dự án: 13.385.000.000đồng (QĐ điều chỉnh lần cuối ngày 02/12/2009 và theo NQ của HĐQT). Trong đó:
 - + Vốn XD CB: 1.738.000.000 đồng
 - + Vốn thiết bị: 11.137.000.000đồng
 - + Vốn khác: 510.000.000đồng
- Nguồn vốn đầu tư: + Vốn tự có của Công ty: 50%
- + Vốn vay tín dụng Ngân hàng: 50%

Nhận xét: Giá trị tài sản đã kết chuyển tăng trong năm 2009 (Theo báo cáo quyết toán tài chính 2009): 2.283.722.552đồng.

- Chưa kết chuyển tài sản còn đang treo dở dang (TK 2412): **21.803.073đ**

Đối với dự án trên: Trong năm 2009 phần lớn các hạng mục còn đang triển khai thực hiện dở dang chưa đầu tư hết. Một số hạng mục chưa đầu tư (Theo báo cáo đầu tư số 05/2010/BC-Cty)

3/ Dự án đầu tư dây chuyền sản xuất gạch gốm trang trí- Xi nghiệp gạch, ngôi tuy nen Thanh Mỹ:

- Vốn đầu tư mới cho dự án: 677.000.000đồng (QĐ phê duyệt của HĐQT).
- Nguồn vốn đầu tư: + Vốn tự có của Công ty: 50%
- + Vốn vay tín dụng Ngân hàng: 50%

Thời gian đầu tư:

+ Khởi công xây dựng: Tháng 10/2009

+ Hoàn Thành công trình: Tháng 12/2009.

Nhận xét:

Dự án này trong năm 2009 các hạng mục còn đang thực hiện dở dang, chưa quyết toán tăng tài sản.

4/ Dự án đầu tư cải tạo hệ nghiền sàng đá, cát - Phân xưởng Cam Ly - Xi nghiệp Đá Cát

- Vốn đầu tư mới cho dự án: 2.260.000.000đồng (Theo QĐ phê duyệt của HĐQT).
- Nguồn vốn đầu tư: + Vốn tự có của Công ty: 50%
- + Vốn vay tín dụng Ngân hàng: 50%

Thời gian đầu tư:

+ Khởi công xây dựng: Tháng 10/2009

+ Hoàn Thành công trình: Tháng 12/2009.

Nhận xét:

Dự án này trong năm 2009 các hạng mục còn đang thực hiện dở dang, chưa quyết toán tăng tài sản.

E/ Dự án đầu tư nâng công suất nhà máy chế biến Cao Lanh trại mát:

- Vốn đầu tư mới cho dự án: 6.277.000.000đồng (Theo QĐ phê duyệt của HĐQT).
- Nguồn vốn đầu tư: + Vốn tự có của Công ty: 50%
+ Vốn vay tín dụng Ngân hàng: 50%

Thời gian đầu tư:

+ Khởi công xây dựng: Tháng 01/2009

+ Hoàn Thành công trình: Tháng 06/2009.

Nhận xét: (Theo báo cáo đầu tư số 05/2010/BC-Cty).

5/Dự án đầu tư mở rộng Nhà máy cao Lanh Hiệp Tiến(Từ năm 2007 đến năm 2009):

- Tổng vốn đầu tư mới: 16.870.000.000đồng (QĐ phê duyệt của HĐQT)
- Công suất đạt: 15.000 tấn sản phẩm/năm.
- Sau bổ sung thêm: 1.838.340.000đồng(Theo NQ của HĐQT, ngày 11/09/2007)
- Như vậy **tổng vốn đầu tư dự án sau khi bổ sung: 18.708.340.000đồng**
- Thời gian đầu tư:
 - + Khởi công xây dựng: Tháng 07/2007
 - + Hoàn Thành công trình: Tháng 04/2008
 - + Thời hạn quyết toán vốn đầu tư sau điều chỉnh lại theo Quyết định số 212/2008/QĐ-HĐQT ngày 31/12/2008 : Hoàn tất công tác quyết toán vốn đầu tư dự án mở rộng Nhà máy cao Lanh Hiệp Tiến vào tháng 03/2009.
- **Tổng giá trị tài sản đã kết chuyển tăng trong hai năm 2008,2009 là: 19.904.759.112đ**
- Chênh lệch tăng so với quyết định phê duyệt đầu tư của ĐQT:843.241.343đ .

III/ ĐÁNH GIÁ CHUNG:

- Trong năm 2009 Tổng vốn đầu tư các dự án (theo QĐ phê duyệt đầu tư của HĐQT)là: 29.471.760.000đ. Nhìn chung các dự án dở dang của các năm trước chuyển qua(Dự án Hiệp Tiến, hiệp An..) đã hoàn thành và đưa vào sử dụng, quyết toán tăng tài sản và đã trích khấu hao trong năm 2009.
- **Một số dự án còn dở dang chuyển qua năm 2010 gồm:**
 - + Dự án đầu tư đa dạng hóa sản phẩm sau nung-XN Hiệp An: Còn đang tiếp tục thực hiện trong quý I/2010.
 - + Dự án đầu tư cải tạo hệ nghiền sàng đá , cát - Phân xưởng Cam Ly - Xí nghiệp Đá Cát: Dự án này đã hoàn tất công tác quyết toán vốn đầu tư dự án, tăng tài sản và đã trích khấu hao từ tháng 02 năm 2010. Tổng giá trị thực hiện hoàn tất quyết toán:1.961.588.289đ.
 - + Dự án đầu tư mở rộng Trạm trộn bê tông Hiệp Lực: Còn đang tiếp tục triển khai, dự kiến các hạng mục hoàn tất trong quý II/2010.
 - + Dự án đầu tư dây chuyền sản xuất gạch gốm trang trí- Xí nghiệp gạch, ngôi tuy nen Thanh Mỹ:
 - So với quyết định phê duyệt của HĐQT như: DA Hiệp tiến phát sinh tăng 843.241đ
 - Việc quyết toán tăng tài sản hầu như Công ty không quyết toán tăng tài sản theo đúng các hạng mục tài sản đầu tư của dự án (Theo quyết định phê duyệt của HĐQT đã ký) cũng như theo đề nghị trong báo cáo năm 2008 của BKS. Do đó, khi kiểm soát về tình hình thực hiện vốn đầu tư các dự án của Công ty, TV.BKS chỉ đánh giá trên tổng vốn đầu tư thực tế thực hiện của từng dự án so với vốn đầu tư theo quyết định phê duyệt của HĐQT (Không đánh giá chi tiết các hạng mục đầu tư của dự án).
 - Đánh giá hiệu quả sau đầu tư cũng như tình hình thực hiện vốn vay đầu tư của Công ty chưa thực hiện được.

VI/ Đánh giá và kiến nghị của Ban kiểm Soát

A. Đánh giá:

- Đã hoàn thành 95,29% kế hoạch lợi nhuận

B. Kiến nghị của Ban kiểm soát

1. Cần phát huy hiệu quả các dự án đã đầu tư .
2. Các dự án sau khi quyết toán phải được nghiệm thu đánh giá hiệu quả so với dự án đã được HĐQT phê duyệt.
3. Cần củng cố lại tổ chức bộ máy quản lý của Công ty cho phù hợp với điều kiện kinh tế hiện nay.
4. Cần xây dựng các cơ chế giao khoán tới từng đơn vị nhằm tiết kiệm các khoản chi phí quản lý để tăng lợi nhuận.
5. Cần tăng cường và có biện pháp thu hồi công nợ, giới thiệu và tiêu thụ các sản phẩm mới giảm giá trị hàng tồn kho, sử dụng hiệu quả đồng vốn trong SXKD.
6. Cần có biện pháp giải quyết dứt điểm những tồn tại tại Xí nghiệp xây lắp,

Trên đây là toàn bộ phần báo cáo của Ban kiểm soát đề nghị được thông qua trước Đại hội đồng cổ đông.

Chúc Đại Hội thành công

TM.Ban kiểm soát
Trưởng ban
Vũ Ngọc Phách (Đã ký)